

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HK2 - KHỐI 10
MÔN: GDKT&PL - LỚP: 10A1

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Giáo dục kinh tế và pháp luật			Ghi chú
					TL	TN	Tổng	
1	100004	Nguyễn Chí	An	3	4.00	4.50	8.50	
2	100007	Trang Hoài Thanh	An	3	5.00	5.00	10.00	
3	100021	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	3	4.50	5.00	9.50	
4	100023	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	3	4.00	4.75	8.75	
5	100045	Lê Anh	Bảo	3	3.50	4.75	8.25	
6	100057	Hồ Minh	Chánh	4	4.50	5.00	9.50	
7	100061	Trần	Chinh	4	4.00	5.00	9.00	
8	100082	Hồ Trần Khánh	Duy	4	3.50	4.75	8.25	
9	100105	Trần Nguyên Hải Đại	Dương	5	4.50	5.00	9.50	
10	100103	Ngô Võ Khánh	Dương	5	5.00	5.00	10.00	
11	100108	Nguyễn Linh	Đan	5	5.00	4.50	9.50	
12	100116	Nguyễn Xuân	Đạt	5	3.25	4.00	7.25	
13	100130	Phan Minh	Đức	5	3.00	4.25	7.25	
14	100139	Nguyễn Thị Thu	Hà	5	5.00	5.00	10.00	
15	100167	Vũ Ngọc	Hân	6	4.00	5.00	9.00	
16	100151	Đỗ Huỳnh Nhã	Hân	5	4.50	5.00	9.50	
17	100179	Phạm Thị Nhật	Hoa	6	4.00	5.00	9.00	
18	100200	Nguyễn Minh	Huy	6	3.75	4.75	8.50	
19	100232	Nguyễn Lê Gia	Khang	7	3.25	4.00	7.25	
20	100303	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	8	3.25	2.50	5.75	
21	100342	Đặng Kim	Ngân	8	5.00	4.75	9.75	
22	100408	Nguyễn Ngọc Duy	Nhất	10	4.25	4.50	8.75	
23	100412	Đặng Nguyễn Uyên	Nhi	10	3.25	4.25	7.50	
24	100415	Lê Thị Yến	Nhi	10	4.50	4.00	8.50	
25	100432	Đoàn Tâm	Như	10	4.50	4.75	9.25	
26	100461	Hồ Minh	Phát	11	4.00	4.75	8.75	
27	100464	Nguyễn Thiên	Phát	11	3.50	3.25	6.75	
28	100481	Nguyễn Hoàng	Phúc	11	3.50	3.75	7.25	
29	100484	Nguyễn Trọng	Phúc	11	3.50	3.00	6.50	
30	100520	Lê Khắc Đại	Quý	12	3.50	3.50	7.00	
31	100537	Nguyễn Minh	Sang	12	4.50	5.00	9.50	
32	100595	Võ Thị Kim	Thắm	13	4.75	5.00	9.75	
33	100605	Nguyễn Hoàng	Thiện	13	4.75	5.00	9.75	
34	100625	Võ Thị Kim	Thúy	14	4.75	5.00	9.75	
35	100651	Võ Nguyễn Hoài	Thương	14	5.00	5.00	10.00	
36	100665	Phạm Thị Thủy	Tiên	14	4.50	4.50	9.00	
37	100723	Sơn Thanh	Trúc	16	4.00	5.00	9.00	
38	100753	Nguyễn Ngọc Lam	Tuyền	16	4.50	5.00	9.50	
39	100761	Nguyễn Ngọc	Vàng	16	3.75	5.00	8.75	
40	100765	Phan Thị Kim	Vân	16	4.00	4.75	8.75	
41	100795	Nguyễn Thị Thảo	Vy	17	1.50	4.25	5.75	
42	100808	Nguyễn Lữ Minh	Xuân	17	4.50	5.00	9.50	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HK2 - KHỐI 10
MÔN: GDKT&PL - LỚP: 10A2

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Giáo dục kinh tế và pháp luật			Ghi chú
					TL	TN	Tổng	
1	100003	Ngô Phạm An	An	3	2.25	4.00	6.25	
2	100009	Trần Quốc	An	3	3.00	3.50	6.50	
3	100011	Bùi Thị Thu	Anh	3	4.50	5.00	9.50	
4	100100	Đỗ Ngọc Thuý	Dương	4	4.50	5.00	9.50	
5	100107	Châu Ngô Linh	Đan	5	5.00	4.75	9.75	
6	100158	Nguyễn Thái Ngọc	Hân	5	5.00	3.75	8.75	
7	100172	Trần Phạm Diệu	Hiền	6	3.50	4.25	7.75	
8	100183	Đặng Huy	Hoàng	6	3.50	5.00	8.50	
9	100250	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	7	4.00	5.00	9.00	
10	100272	Võ Thanh Trúc	Lam	7	2.00	4.50	6.50	
11	100291	Dương Quốc	Lộc	8	4.25	4.50	8.75	
12	100295	Trần Nghệ	Luân	8	4.75	5.00	9.75	
13	100297	Hồ Thị Khánh	Ly	8	3.00	5.00	8.00	
14	100332	Võ Phương Thảo	My	8	4.25	4.25	8.50	
15	100333	Lưu Gia	Mỹ	8	4.00	4.00	8.00	
16	100350	Ngô Nguyễn Kim	Ngân	9	4.50	5.00	9.50	
17	100390	Nguyễn Bùi Khánh	Nguyên	9	3.50	5.00	8.50	
18	100393	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	9	4.75	5.00	9.75	
19	100391	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	9	3.50	5.00	8.50	
20	100398	Tăng	Nguyễn	9	3.00	4.50	7.50	
21	100433	Lại Minh	Như	10	4.00	5.00	9.00	
22	100434	Lại Thanh	Như	10	5.00	5.00	10.00	
23	100439	Nguyễn Ngọc Yến	Như	10	4.25	5.00	9.25	
24	100454	Nguyễn Bảo	Ni	11	5.00	5.00	10.00	
26	100476	Cô Nguyễn Ngọc	Phúc	11	1.00	3.75	4.75	
27	100495	Lâm Mỹ	Phụng	11	3.25	4.75	8.00	
28	100507	Nguyễn Thị Kim	Phượng	12	3.75	5.00	8.75	
29	100817	Phan Tấn	Quốc	17	3.00	1.75	4.75	
30	100559	Lã Hoàng Duy	Tân	13	2.50	4.25	6.75	
31	100564	Lương Trần Quốc	Thái	13	4.25	5.00	9.25	
32	100573	Nguyễn Ngọc Thanh	Thanh	13	4.00	3.50	7.50	
33	100584	Hồ Thị Ngọc	Thảo	13	4.00	4.50	8.50	
34	100621	Trần Ngọc Minh	Thơ	14	3.50	5.00	8.50	
35	100639	Nguyễn Đào Anh	Thư	14	4.50	5.00	9.50	
36	100669	Nguyễn Hoàng	Tiền	14	4.50	5.00	9.50	
37	100694	Đặng Thị Ngọc	Trâm	15	4.00	4.75	8.75	
38	100709	Trịnh Thành	Triết	15	4.00	4.25	8.25	
39	100712	Nguyễn Ngọc Lan	Trinh	15	4.50	5.00	9.50	
40	100729	Nguyễn Dương Minh	Trung	16	3.75	4.25	8.00	
41	100726	Đàm Minh	Trung	16	3.25	4.75	8.00	
42	100752	Lưu Thị Bích	Tuyền	16	4.00	5.00	9.00	
43	100754	Nguyễn Thanh	Tuyền	16	4.75	5.00	9.75	
44	100801	Tô Ngọc Thuý	Vy	17	4.50	5.00	9.50	
45	100780	Đoàn Thị Yến	Vy	17	4.00	4.50	8.50	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HK2 - KHỐI 10
MÔN: GDKT&PL - LỚP: 10A3

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Giáo dục kinh tế và pháp luật			Ghi chú
					TL	TN	Tổng	
1	100013	Đặng Phương	Anh	3	4.00	5.00	9.00	
2	100020	Ngô Ngọc Trâm	Anh	3	4.50	5.00	9.50	
3	100029	Phạm Nguyễn Văn	Anh	3	4.25	4.75	9.00	
4	100059	Nguyễn Trần Hà	Chi	4	2.25	5.00	7.25	
5	100065	Huỳnh Hữu Quốc	Cường	4	2.50	4.75	7.25	
6	100079	Nguyễn Duy	Dũng	4	3.25	5.00	8.25	
7	100099	Vô Thị Kim	Duyên	4	2.75	4.75	7.50	
8	100112	Nguyễn Hoàng Minh	Đạt	5	5.00	5.00	10.00	
9	100120	Huỳnh Hoàng	Điền	5	3.25	3.50	6.75	
11	100178	Trần Đặng Ngọc	Hiếu	6	4.00	4.00	8.00	
12	100191	Châu Đức	Huy	6	2.25	5.00	7.25	
13	100211	Trần Quốc	Huy	7	4.00	4.50	8.50	
14	100231	Nguyễn Lê	Khang	7	3.25	4.75	8.00	
15	100247	Đoàn Đăng	Khoa	7	3.75	3.25	7.00	
16	100285	Phan Nhựt	Linh	8	4.00	4.25	8.25	
17	100287	Nguyễn Thị Kiều	Loan	8	1.00	3.75	4.75	
18	100326	Nguyễn Hoàng	My	8	5.00	4.25	9.25	
19	100351	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	9	4.25	5.00	9.25	
20	100359	Trần Nguyễn Kim	Ngân	9	1.50	3.00	4.50	
21	100379	Nguyễn Bảo	Ngọc	9	2.25	4.75	7.00	
22	100371	Hồ Vũ Hải	Ngọc	9	2.75	3.50	6.25	
23	100403	Nguyễn Thành	Nhân	9	3.50	5.00	8.50	
24	100426	Vòng Lê Yến	Nhi	10	3.00	2.75	5.75	
25	100418	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10	4.00	3.50	7.50	
26	100440	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	10	4.00	3.25	7.25	
27	100441	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	10	5.00	5.00	10.00	
28	100451	Phạm Hồ Minh	Nhựt	11	5.00	4.75	9.75	
29	100471	Nguyễn Tuấn	Phong	11	4.00	3.00	7.00	
30	100498	Đặng Thị Thanh	Phương	11	3.75	4.75	8.50	
31	100506	Bùi Kim	Phượng	12	2.50	4.50	7.00	
32	100515	Trần Diệp Anh	Quân	12	4.25	3.00	7.25	
33	100531	Nguyễn Lê Hoa	Quỳnh	12	4.00	5.00	9.00	
34	100581	Phan Ngọc	Thành	13	1.75	3.75	5.50	
35	100589	Nguyễn Thanh	Thảo	13	4.75	5.00	9.75	
36	100613	Hồ Mai Hữu	Thọ	13	2.00	4.75	6.75	
37	100689	Nguyễn Thị Thu	Trang	15	4.00	5.00	9.00	
38	100684	Lê Ngọc Thùy	Trang	15	4.00	3.50	7.50	
39	100701	Vô Ngọc Quỳnh	Trâm	15	4.00	4.25	8.25	
40	100707	Huỳnh Minh	Trí	15	2.25	3.25	5.50	
41	100716	Trần Thị Thu	Trình	15	5.00	5.00	10.00	
42	100741	Trình Quang	Tú	16	2.75	4.75	7.50	
43	100770	Lại Quang	Vinh	16	1.50	4.00	5.50	
44	100781	Hà Ngọc Đan	Vy	17	4.75	4.50	9.25	
45	100800	Thái Thị Thanh	Vy	17	1.75	4.75	6.50	
46	100789	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	17	4.50	4.75	9.25	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HK2 - KHỐI 10
MÔN: GDKT&PL - LỚP: 10A4

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Giáo dục kinh tế và pháp luật			Ghi chú
					TL	TN	Tổng	
1	100053	Trần Lê Thanh	Bảo	4	4.00	4.00	8.00	
2	100062	Đào Thị	Chúc	4	5.00	5.00	10.00	
3	100089	Nguyễn Khánh	Duy	4	3.75	3.75	7.50	
4	100094	Trần Phúc	Duy	4	2.75	4.00	6.75	
5	100164	Võ Ngọc Gia	Hân	6	3.50	4.50	8.00	
6	100173	Huỳnh Thái	Hiền	6	3.25	4.25	7.50	
7	100176	Nguyễn Mạnh	Hiếu	6	1.75	4.75	6.50	
8	100182	Phạm Đỗ Nhân	Hòa	6	4.00	3.75	7.75	
9	100190	Nguyễn Phi	Hùng	6	3.50	5.00	8.50	
10	100197	Nguyễn Hoàng Gia	Huy	6	3.50	5.00	8.50	
11	100223	Phạm Thị Ngọc	Hường	7	4.50	3.50	8.00	
12	100236	Võ Hồng Phúc	Khang	7	3.75	3.75	7.50	
13	100240	Ngô Nhật	Khánh	7	3.50	4.75	8.25	
14	100265	Trương Thị Thúy	Kiều	7	4.00	4.75	8.75	
15	100275	Nguyễn Thị Hồng	Liên	7	4.00	4.50	8.50	
17	100356	Phan Nguyễn Yến	Ngân	9	4.00	5.00	9.00	
18	100375	Lê Nhan Khánh	Ngọc	9	4.00	5.00	9.00	
19	100384	Phan Nguyễn Như	Ngọc	9	4.50	5.00	9.50	
20	100385	Trương Như	Ngọc	9	3.75	4.75	8.50	
21	100382	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	9	4.00	5.00	9.00	
22	100420	Nguyễn Thuỳ Yến	Nhi	10	4.75	4.50	9.25	
23	100421	Nguyễn Trần Yến	Nhi	10	4.00	5.00	9.00	
24	100443	Phan Thị Kiều	Như	11	4.25	4.25	8.50	
25	100436	Lý Kim	Như	10	5.00	5.00	10.00	
26	100445	Trần Mai Quỳnh	Như	11	3.50	4.00	7.50	
27	100470	Nguyễn Hồng	Phong	11	5.00	5.00	10.00	
28	100479	Lê Gia	Phúc	11	4.00	3.25	7.25	
29	100482	Nguyễn Hoàng	Phúc	11	2.00	2.50	4.50	
30	100485	Nguyễn Trọng	Phúc	11	1.75	3.75	5.50	
31	100508	Hoàng Vinh	Quang	12	2.75	4.00	6.75	
32	100525	Nguyễn Ngọc Thảo	Quyên	12	4.75	5.00	9.75	
33	100529	Nguyễn Ngọc Như	Quyên	12	2.75	4.75	7.50	
34	100554	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	13	3.25	3.75	7.00	
35	100601	Nguyễn Toàn	Thắng	13	4.00	5.00	9.00	
36	100607	Đỗ Đình Đức	Thịnh	13	5.00	4.75	9.75	
37	100636	Huỳnh Vũ Anh	Thư	14	4.00	5.00	9.00	
38	100679	Huỳnh Phước	Toàn	15	2.50	4.50	7.00	
39	100682	Hà Thị Thu	Trang	15	4.75	4.75	9.50	
42	100742	Đặng Anh	Tuấn	16	4.00	5.00	9.00	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HK2 - KHỐI 10
MÔN: GDKT&PL - LỚP: 10A5

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Giáo dục kinh tế và pháp luật			Ghi chú
					TL	TN	Tổng	
1	100028	Nguyễn Xuân Hoàng	Anh	3	3.00	5.00	8.00	
2	100031	Trần Nhật	Anh	3	3.50	3.50	7.00	
3	100018	Ký Ngọc Quỳnh	Anh	3	4.50	4.00	8.50	
4	100036	Nguyễn Minh	Ánh	3	4.25	4.75	9.00	
5	100056	Phạm Võ An	Bình	4	3.25	4.75	8.00	
6	100132	Phạm Hoàng	Gia	5	4.75	4.75	9.50	
7	100143	Trần Nguyễn Minh	Hằng	5	5.00	5.00	10.00	
8	100155	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	5	5.00	5.00	10.00	
9	100145	Bùi Quế	Hân	5	4.25	4.50	8.75	
10	100168	Huỳnh Thị Kim	Hậu	6	4.00	4.25	8.25	
11	100169	Lê Nguyễn Phương	Hiền	6	5.00	5.00	10.00	
12	100196	Nguyễn Hoàng	Huy	6	3.50	4.50	8.00	
13	100242	Nguyễn Thụy Kim	Khánh	7	3.00	3.25	6.25	
14	100273	Phan Hoàng	Lan	7	1.00	3.50	4.50	
15	100318	Nguyễn Hồng	Minh	8	4.00	4.75	8.75	
16	100321	Trương Dương Tuyết	Minh	8	4.75	4.75	9.50	
17	100325	Nguyễn Hà Thảo	My	8	4.75	5.00	9.75	
18	100352	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	9	3.75	5.00	8.75	
19	100364	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Nghị	9	0.75	2.75	3.50	
20	100419	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10	5.00	4.50	9.50	
21	100428	Nguyễn Phi	Nhung	10	1.00	2.75	3.75	
22	100429	Phạm Thị Tuyết	Nhung	10	4.25	3.75	8.00	
23	100514	Nguyễn Văn Hoàng	Quân	12	4.00	3.50	7.50	
24	100519	Cao Thanh	Quý	12	3.25	4.50	7.75	
25	100527	Trần Phương	Quyên	12	2.75	4.25	7.00	
26	100574	Nguyễn Thị Diễm	Thanh	13	2.25	5.00	7.25	
27	100571	Hồ Nguyễn Phương	Thanh	13	4.00	4.00	8.00	
28	100591	Trần Ngọc Thanh	Thảo	13	5.00	5.00	10.00	
29	100599	Nguyễn Quan Việt	Thắng	13	5.00	4.25	9.25	
30	100608	Khuru Quốc	Thịnh	13	2.75	3.25	6.00	
31	100623	Lê Minh	Thuận	14	4.25	5.00	9.25	
32	100629	Lê Thị	Thủy	14	4.50	4.50	9.00	
33	100653	Phan Hoàng Phương	Thy	14	1.75	4.25	6.00	
34	100661	Hồ Thủy	Tiên	14	4.50	5.00	9.50	
35	100688	Nguyễn Quyền	Trang	15	5.00	4.50	9.50	
36	100699	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	15	4.75	5.00	9.75	
37	100697	Nguyễn Ngọc Thùy	Trâm	15	5.00	5.00	10.00	
38	100706	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	15	2.00	5.00	7.00	
39	100717	Vô Khánh	Trình	15	5.00	4.75	9.75	
40	100725	Văn Mỹ	Trúc	16	3.00	4.75	7.75	
41	100722	Phan Thanh	Trúc	15	5.00	5.00	10.00	
42	100720	Huỳnh Phát Thủy	Trúc	15	4.50	4.25	8.75	
43	100739	Nguyễn Phụng Anh	Tú	16	3.00	4.50	7.50	
44	100745	Nguyễn Minh	Tuấn	16	4.50	5.00	9.50	
45	100763	Phạm Thanh	Vân	16	3.00	2.50	5.50	
46	100799	Phan Thị Thúy	Vy	17	3.00	4.75	7.75	
47	100715	Thái Ngọc Phương	Trình	15	3.75	5.00	8.75	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HK2 - KHỐI 10
MÔN: GDKT&PL - LỚP: 10A6

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Giáo dục kinh tế và pháp luật			Ghi chú
					TL	TN	Tổng	
1	100001	Huỳnh Thị Mỹ	An	3	4.75	5.00	9.75	
2	100008	Trần Lê Phúc	An	3	4.25	5.00	9.25	
3	100025	Nguyễn Quỳnh	Anh	3	3.00	4.75	7.75	
4	100032	Trần Thị Trâm	Anh	3	3.50	5.00	8.50	
5	100052	Vũ Quốc	Bảo	3	4.25	4.75	9.00	
6	100066	Huỳnh Mẫn	Cường	4	5.00	3.75	8.75	
7	100074	Mai Ngọc	Diễm	4	4.00	5.00	9.00	
8	100091	Phạm Khánh	Duy	4	4.50	5.00	9.50	
9	100086	Mao Thành	Duy	4	4.00	5.00	9.00	
10	100095	Châu Thị Mỹ	Duyên	4	5.00	4.75	9.75	
11	100134	Tăng Gia	Gia	5	5.00	4.75	9.75	
12	100138	Hoàng	Hà	5	4.50	5.00	9.50	
13	100152	Huỳnh Ngọc Bảo	Hân	5	4.50	5.00	9.50	
14	100161	Trần Ngọc Gia	Hân	6	4.75	5.00	9.75	
15	100159	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	6	3.50	4.75	8.25	
16	100245	Bùi Đăng	Khoa	7	4.75	5.00	9.75	
17	100279	Lý Hoàng	Linh	7	4.50	4.75	9.25	
18	100286	Trần Ngọc Thùy	Linh	8	5.00	5.00	10.00	
19	100276	Dương Thị Thùy	Linh	7	4.25	3.50	7.75	
20	100290	Trần Minh	Long	8	4.75	4.75	9.50	
21	100312	Trần Ngọc	Mây	8	5.00	3.25	8.25	
22	100327	Nguyễn Huỳnh Hải	My	8	4.75	3.75	8.50	
23	100329	Trần Ngọc Xuân	My	8	4.50	4.50	9.00	
24	100334	Trần Gia	Mỹ	8	4.25	5.00	9.25	
25	100363	Nguyễn Trần Phương	Nghi	9	4.00	4.25	8.25	
26	100388	Hà Nguyễn Thảo	Nguyên	9	3.25	4.75	8.00	
27	100404	Phan Hữu	Nhân	10	4.25	5.00	9.25	
28	100499	Hồ Nhất	Phương	12	4.50	5.00	9.50	
29	100511	Trương Đại	Quang	12	3.50	3.00	6.50	
30	100550	Nguyễn Minh Mỹ	Tâm	13	5.00	5.00	10.00	
31	100548	Đinh Ngọc Thanh	Tâm	12	5.00	4.00	9.00	
32	100585	Lại Thị Phương	Thảo	13	5.00	5.00	10.00	
33	100594	Phạm Thị Hồng	Thắm	13	4.50	5.00	9.50	
34	100616	Mai Quốc	Thông	14	4.50	5.00	9.50	
35	100631	Dương Nguyễn Anh	Thư	14	5.00	4.75	9.75	
36	100642	Nguyễn Quỳnh Anh	Thư	14	4.50	4.00	8.50	
37	100643	Nguyễn Thị Anh	Thư	14	5.00	5.00	10.00	
38	100687	Nguyễn Kiều	Trang	15	4.75	5.00	9.75	
39	100700	Nguyễn Thị Thuý	Trâm	15	5.00	5.00	10.00	
40	100755	Trần Thị Thanh	Tuyền	16	5.00	4.50	9.50	
41	100757	Lại Hùng	Tỷ	16	4.00	4.25	8.25	
42	100764	Phan Nguyễn Khánh	Vân	16	3.50	4.50	8.00	
43	100762	Nguyễn Ngô Thúy	Vân	16	4.50	5.00	9.50	
44	100816	Trần Phan Hải	Yến	17	5.00	5.00	10.00	
45	100811	Dương Mỹ	Yến	17	5.00	5.00	10.00	
46	100814	Nguyễn Thiều Nhã	Yến	17	5.00	5.00	10.00	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HK2 - KHỐI 10
MÔN: GDKT&PL - LỚP: 10A8

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Giáo dục kinh tế và pháp luật			Ghi chú
					TL	TN	Tổng	
1	100038	Phạm Ngọc Kim	Ánh	3	3.75	4.50	8.25	
2	100078	Lê Tấn	Dũng	4	4.25	5.00	9.25	
3	100083	Lại Nguyễn Minh	Duy	4	3.75	4.75	8.50	
4	100090	Nguyễn Nhật	Duy	4	3.00	4.00	7.00	
6	100142	Hồ Thị Mỹ	Hằng	5	3.75	4.75	8.50	
7	100148	Diệp Gia	Hân	5	4.75	5.00	9.75	
8	100153	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	5	4.25	3.25	7.50	
9	100202	Nguyễn Tấn Gia	Huy	6	4.50	4.75	9.25	
10	100204	Nguyễn Thanh	Huy	6	4.50	5.00	9.50	
11	100259	Cao Tấn	Khuong	7	1.25	4.50	5.75	
12	100262	Trương Tuấn	Kiệt	7	3.00	4.75	7.75	
13	100278	Huỳnh Phan Yên	Linh	7	4.25	5.00	9.25	
14	100293	Huỳnh Tấn	Lợi	8	0.50	3.25	3.75	
15	100331	Trương Thị Diễm	My	8	4.75	4.75	9.50	
16	100343	Đoàn Huỳnh Trúc	Ngân	8	4.25	5.00	9.25	
17	100346	Lê Trần Tuyết	Ngân	9	4.25	5.00	9.25	
18	100373	Lê Hoàng Bảo	Ngọc	9	2.50	4.00	6.50	
19	100423	Phạm Yên	Nhi	10	3.75	5.00	8.75	
20	100413	Lương Thị Yến	Nhi	10	3.75	4.75	8.50	
21	100437	Ngô Huỳnh Ngọc	Như	10	4.00	3.25	7.25	
22	100458	Nguyễn Tấn	Pháp	11	4.50	3.00	7.50	
23	100463	Lâm Văn	Phát	11	4.25	2.75	7.00	
24	100472	Lê Hoàng	Phú	11	3.50	4.50	8.00	
25	100513	Lương Minh	Quân	12	4.50	3.50	8.00	
26	100521	Nguyễn Phú	Quý	12	2.50	4.25	6.75	
27	100530	Nguyễn Kim Trúc	Quỳnh	12	2.75	4.50	7.25	
28	100543	Nguyễn Đắc	Tài	12	2.00	3.50	5.50	
29	100545	Trần Hoàng Hữu	Tài	12	2.50	3.25	5.75	
30	100551	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	13	5.00	5.00	10.00	
31	100570	Trần Duy	Thái	13	3.50	4.00	7.50	
32	100572	Lâm Thái	Thanh	13	5.00	5.00	10.00	
34	100620	Trần Anh	Thơ	14	4.00	5.00	9.00	
35	100640	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	14	5.00	3.25	8.25	
36	100649	Mai Vũ Hoài	Thương	14	4.75	5.00	9.75	
37	100650	Phạm Nguyễn Kim	Thương	14	4.25	4.50	8.75	
38	100664	Nguyễn Trần Thuỷ	Tiên	14	5.00	4.50	9.50	
39	100702	Võ Thị Ngọc	Trâm	15	3.00	3.00	6.00	
40	100705	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	15	2.50	2.75	5.25	
41	100756	Phan Ngọc Cát	Tường	16	4.50	5.00	9.50	
42	100759	Nguyễn Đặng Mai	Uyên	16	4.25	4.50	8.75	
43	100776	Đặng Gia	Vĩnh	16	4.25	4.25	8.50	
44	100552	Nguyễn Trần Ngọc	Vy	17	4.50	4.50	9.00	
45	100782	Huỳnh Nguyễn Tường	Vy	12	4.25	4.00	8.25	
46	100786	Lê Thị Tường	Vy	17	1.00	2.75	3.75	
47	100810	Lê Kim	Xuyến	17	2.75	3.75	6.50	

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HK2 - KHỐI 10
MÔN: GDKT&PL - LỚP: 10A18

STT	SBD	Họ	Tên	Phòng	Giáo dục kinh tế và pháp luật			Ghi chú
					TL	TN	Tổng	
1	100005	Nguyễn Hồ Mai	An	3	2.25	3.00	5.25	
2	100033	Võ Ngọc Vân	Anh	3	4.00	5.00	9.00	
3	100041	Lê Nguyễn Hoài	Ân	3	4.50	5.00	9.50	
4	100055	Nguyễn Văn	Bình	4	1.75	4.25	6.00	
5	100064	Bùi Quốc	Cường	4	4.50	4.50	9.00	
6	100076	Phạm Thị Hồng	Dung	4	4.50	5.00	9.50	
7	100119	Dương Khải	Đăng	5	3.25	4.00	7.25	
8	100137	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	5	4.00	4.50	8.50	
9	100165	Võ Ngọc Gia	Hân	6	3.75	4.75	8.50	
10	100147	Châu Ngọc	Hân	5	4.75	3.75	8.50	
11	100181	Nguyễn Nhật	Hòa	6	3.75	5.00	8.75	
12	100195	Nguyễn Gia	Huy	6	3.25	4.75	8.00	
13	100209	Trần Hoàng	Huy	7	3.50	5.00	8.50	
14	100216	Võ Quốc	Huy	7	4.75	5.00	9.75	
15	100193	Lê Nguyễn Thanh	Huy	6	5.00	5.00	10.00	
16	100229	Nguyễn Duy	Khang	7	3.25	5.00	8.25	
17	100260	Bùi Thanh	Kiệt	7	2.25	3.00	5.25	
18	100269	Võ Hoàng	Kim	7	2.50	5.00	7.50	
19	100281	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	8	4.50	5.00	9.50	
20	100330	Trương Ngọc Hà	My	8	2.00	3.50	5.50	
21	100374	Lê Hoàng Hồng	Ngọc	9	4.75	4.75	9.50	
22	100386	Vân Thị Kim	Ngọc	9	4.25	4.25	8.50	
23	100397	Võ Ngọc Thảo	Nguyên	9	4.50	4.75	9.25	
24	100411	Bùi Thị Ngọc	Nhi	10	5.00	5.00	10.00	
25	100438	Nguyễn Gia	Như	10	3.50	3.50	7.00	
26	100435	Lục Quỳnh	Như	10	3.00	3.75	6.75	
27	100449	Nguyễn Minh	Nhật	11	4.00	4.25	8.25	
28	100478	Huỳnh Anh	Phúc	11	2.00	4.25	6.25	
29	100489	Trần Lê Hoàng	Phúc	11	4.50	3.50	8.00	
30	100483	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	11	3.50	4.75	8.25	
31	100477	Đinh Trọng	Phúc	11	4.00	4.00	8.00	
32	100510	Nguyễn Vinh	Quang	12	3.75	5.00	8.75	
33	100535	Trần Thị Mỹ	Quỳnh	12	4.50	4.75	9.25	
34	100538	Trần Văn	Sang	12	4.25	5.00	9.25	
35	100603	Nguyễn Trương Toàn	Thắng	13	4.00	4.00	8.00	
36	100619	Phạm Ngọc Hoàng	Thơ	14	3.50	3.50	7.00	
37	100658	Bùi Thị Cẩm	Tiên	14	5.00	5.00	10.00	
38	100670	Chung Nguyễn Minh	Tiến	14	4.00	4.75	8.75	
39	100674	Nguyễn Phước	Tiến	14	4.00	4.25	8.25	
40	100691	Trần Thị Phương	Trang	15	5.00	5.00	10.00	
41	100711	Lưu Mỹ	Trinh	15	3.00	4.00	7.00	
42	100768	Đoàn Ngô Thế	Vinh	16	2.50	2.50	5.00	
43	100798	Phạm Nguyễn Nhã	Vy	17	4.50	5.00	9.50	
44	100793	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	17	4.50	4.75	9.25	
45	100778	Đinh Ngọc Tường	Vy	16	4.50	4.25	8.75	
46	100807	Lê Hoàng Khánh	Xuân	17	3.50	3.00	6.50	